

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STTTT-CNTT
V/v lấy ý kiến Dự thảo Quyết định của UBND
tỉnh ban hành Quy chế xây dựng và quản lý,
vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống
thông tin báo cáo tỉnh

Quảng Bình, ngày tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021.

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình. Nội dung Dự thảo đính kèm Công văn này, đồng thời đăng tải trên website của Sở Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ: <https://stttt.quangbinh.gov.vn>, mục Quản lý nhà nước/Công nghệ thông tin.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu, góp ý Dự thảo Quyết định và Quy chế bằng văn bản, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 26/6/2021** để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành. Quá thời hạn nêu trên, nếu Quý cơ quan, đơn vị không có góp ý thì được hiểu là đã nhất trí với Dự thảo.

Đề nghị Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh hỗ trợ đăng tải thông tin lấy ý kiến Dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trung tâm THCB tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Ngọc

Số: /2021/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO LẦN 2

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số .../TTr-STTTT ngày ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

Điều 3. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT&TH, Báo Quảng Bình;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, TT;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ**Xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình (sau đây viết tắt là hệ thống thông tin báo cáo tỉnh) để thực hiện công tác báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

2. Quy chế này không điều chỉnh liên quan chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; các cơ quan nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân tham gia kết nối, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của tỉnh và theo yêu cầu quản lý nhà nước; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị nêu tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đối với các khái niệm “hệ thống thông tin báo cáo quốc gia”, “hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ”, “hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan, địa phương” thực hiện theo quy định tại các Khoản 5, 6, 7 Điều 3 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Đối với các khái niệm “chế độ báo cáo định kỳ”, “chế độ báo cáo chuyên đề”, “chế độ báo cáo đột xuất” thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

3. Đối với các khái niệm “ký số”, “chữ ký số”, “chứng thư số” thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; các khái niệm “thiết bị lưu khóa bí mật”, “phần mềm ký số”, “phần mềm kiểm tra ký số” thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT).

4. Tài khoản là tên (username) và mật khẩu (password) được cấp cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân để đăng nhập và khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Nguyên tắc xây dựng hệ thống thông tin báo cáo:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công nghệ thông tin, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí;

b) Tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan và bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin thông suốt với các hệ thống thông tin báo cáo trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

c) Việc xây dựng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải bảo đảm phục vụ chế độ báo cáo kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và làm nền tảng hỗ trợ thiết lập, triển khai các chế độ báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành khi có nhu cầu; các chức năng, tính năng của hệ thống phải bảo đảm dễ dàng, tiện lợi cho các đối tượng có liên quan tiếp cận, khai thác, sử dụng.

2. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, văn thư, lưu trữ, an toàn, an ninh thông tin và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu về ban hành, thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật, khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và trong hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

c) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải đảm bảo hoạt động liên tục, thông suốt, ổn định, có hiệu năng xử lý cao và hiệu suất làm việc phù hợp.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TỈNH

Điều 5. Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được thiết lập theo mô hình vừa tập trung tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh (đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông hoặc trên nền tảng điện toán đám mây) và kết nối thông qua mạng cục bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet để hỗ trợ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, sao lưu dữ liệu và liên thông văn bản điện tử; có tên miền truy cập là *baocao.quangbinh.gov.vn* với giao diện ngôn ngữ tiếng Việt và *e-report.quangbinh.gov.vn* với giao diện ngôn ngữ tiếng Anh (nếu có).

2. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; bảo đảm yêu cầu tích hợp phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT hoặc thực hiện kết nối, liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh để ký số báo cáo điện tử theo yêu cầu.

3. UBND tỉnh là cơ quan chủ quản hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và ủy quyền cho Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, sử dụng để thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Xây dựng, thiết lập, cập nhật các hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo

1. Xây dựng, thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

a) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được thiết lập sẵn sàng hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg);

b) Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên theo dõi, tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh khi có thay đổi, sửa đổi, bổ sung;

c) Kinh phí xây dựng, thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thông kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh do ngân sách tỉnh chi trả.

2. Xây dựng, thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành:

a) Hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành áp dụng trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được UBND tỉnh ban hành, phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg và yêu cầu phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh ban hành hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo định kỳ tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh, bao gồm báo cáo định kỳ của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện cho UBND tỉnh và báo cáo định kỳ của cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã cho UBND cấp huyện; được ủy quyền ban hành và thiết lập các chế độ, biểu mẫu báo cáo chuyên đề, đột xuất thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để yêu cầu các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh;

c) UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thiết lập các chế độ, biểu mẫu báo cáo chuyên đề, đột xuất của huyện thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để yêu cầu cơ quan, đơn vị, địa phương cấp dưới thực hiện, bao gồm báo cáo chuyên đề, đột xuất của cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND cấp huyện và báo cáo chuyên đề của tổ chức, cá nhân phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND cấp xã;

d) UBND cấp xã ban hành và tổ chức thiết lập các chế độ, biểu mẫu báo cáo đột xuất thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để yêu cầu tổ chức, cá nhân báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND cấp xã;

đ) Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo định kỳ được UBND tỉnh ban hành nêu tại các điểm a và b Khoản này, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng, thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo định kỳ của tỉnh phù hợp trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh;

e) Kinh phí xây dựng, thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo định kỳ của tỉnh nêu tại các điểm a, b và đ Khoản này trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh do ngân sách tỉnh chi trả.

3. Xây dựng, thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và UBND cấp xã:

a) Trường hợp Bộ chuyên ngành chưa triển khai hệ thống thông tin báo cáo ngành dọc hoặc triển khai chưa đầy đủ đến cấp cơ sở, nếu có nhu cầu ứng dụng hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, báo cáo UBND tỉnh quyết định cho phép ứng dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để hỗ trợ công tác quản lý nhà nước; kinh phí thiết xây dựng, thiết lập hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo chuyên ngành do cơ quan, đơn vị, địa phương chi trả;

b) Trường hợp Bộ chuyên ngành đã triển khai hệ thống thông tin báo cáo ngành dọc đầy đủ đến cấp cơ sở, Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai hệ thống thông tin báo cáo ngành dọc đầy đủ đến cấp cơ sở tại tỉnh; đồng thời làm đầu mối, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kết nối, liên thông giữa hệ thống thông tin báo cáo ngành dọc và hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, bảo đảm chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước tại địa phương.

Điều 7. Nâng cấp hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh thường xuyên được rà soát, báo cáo UBND tỉnh cho phép nâng cấp trong các trường hợp sau:

a) Để đáp ứng yêu cầu của văn bản quy phạm pháp luật hoặc chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh về thực hiện chế độ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành và báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Khi có các giải pháp công nghệ, tiện ích kỹ thuật mới, cần thiết được áp dụng hoặc để đáp ứng các yêu cầu thay đổi theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc theo dõi, tổng hợp các đề xuất, giải pháp về công nghệ, kỹ thuật tại Điểm này để báo cáo UBND tỉnh;

c) Qua tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tăng cường sự dễ dàng, tính tiện lợi trong quá trình quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc theo dõi, tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, kiến nghị quy định tại Điểm này để báo cáo UBND tỉnh;

2. Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xây dựng đề án nâng cấp và dự toán kinh phí thực hiện việc nâng cấp quy định tại Điều này, trình UBND tỉnh.

3. Tùy theo tính chất, quy mô đề án, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định đề án, dự toán kinh phí nâng cấp và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nâng cấp hệ thống thông tin báo cáo tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Bảo đảm năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho hệ thống thông tin báo cáo

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được bảo đảm các điều kiện về năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để vận hành, khai thác, sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, thuận lợi; đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý, truyền tải thông tin, dữ liệu điện tử.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu trình UBND tỉnh giải pháp bảo đảm năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Kinh phí xây dựng, vận hành, duy trì, nâng cấp, hoàn thiện nền tảng phần mềm, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được bảo đảm từ nguồn ngân sách tỉnh. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 9. Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối quản lý kỹ thuật, quản trị phần mềm, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ liên quan hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương rà soát, tham mưu xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đáp ứng các chức năng, yêu cầu theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai ứng dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để thực hiện báo cáo kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành; tập huấn, chuyển giao quyền quản trị hệ thống phù hợp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai các chế độ báo cáo chuyên ngành quản lý nhà nước; tiếp nhận thông tin phản ánh và phối hợp, hỗ trợ xử lý các sự cố phát sinh trên hệ thống.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai ứng dụng hiệu quả hệ thống thông tin báo cáo:

a) Xây dựng, triển khai Quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương về quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh trong thực hiện các chế độ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành và báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Bố trí bộ phận hoặc cử tối thiểu 01 (một) nhân sự để quản trị hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo phân cấp, phân quyền và làm đầu mối phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị về kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo và thực hiện chế độ báo cáo trên môi trường mạng.

d) Bảo đảm các điều kiện hạ tầng kết nối mạng, máy tính và các thiết bị liên quan phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; xây dựng, triển khai các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị.

3. Bộ phận, cán bộ quản trị hệ thống thông tin báo cáo của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

a) Đề xuất với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị việc khởi tạo, thu hồi, sửa đổi, bổ sung tài khoản và phân quyền quản trị, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tại cơ quan, đơn vị; chủ trì việc quản trị hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình trên hệ thống thông tin báo cáo và đề xuất, tham mưu, tổ chức thực hiện cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, nâng cấp phần mềm hệ thống và xử lý, khắc phục hậu quả sự cố xảy ra (nếu có);

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình, kết quả ứng dụng hệ thống thông tin báo cáo và thực hiện Quy chế này.

4. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị và cá nhân tham gia khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm các quy định của Quy chế này và Quy chế của cơ quan, đơn vị về quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh;

b) Tự quản lý tài khoản, bảo vệ mật khẩu tài khoản cá nhân, không sử dụng tài khoản của người khác và không để người khác sử dụng tài khoản của mình trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; trường hợp mất mật khẩu phải kịp thời báo cáo, đề nghị quản trị hệ thống cấp lại;

c) Chủ động theo dõi, xử lý các yêu cầu thực hiện báo cáo hoặc tiếp nhận, tổng hợp thông tin báo cáo được phân công; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu trao đổi, cung cấp, báo cáo trên hệ thống bằng tài khoản cá nhân mình;

d) Kịp thời thông báo, phối hợp với bộ phận, cán bộ quản trị hệ thống của cơ quan, đơn vị hoặc Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh quyết định việc xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện và các điều kiện bảo đảm về năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh chỉ đạo việc tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin báo cáo tại các cơ quan hành chính nhà nước, gắn với Chương trình xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số của tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đăng ký cấp phát chứng thư số chuyên dùng Chính phủ đáp ứng yêu cầu ứng dụng ký số báo cáo điện tử trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; tham mưu, đề xuất bố trí kinh phí triển khai, tập huấn sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định bố trí nguồn kinh phí xây dựng, triển khai ứng dụng, quản lý, vận hành, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị phần cứng, phần mềm, sao lưu dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a) Tổ chức quán triệt, thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này; định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh;

b) Thường xuyên rà soát, đăng ký cấp phát, sửa đổi, bổ sung thông tin, thu hồi chứng thư số chuyên dùng Chính phủ phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế ứng dụng trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh với UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**